

Bản án số: 230/2020/DS-ST

Ngày: 30-7-2020

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai Trâm

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tâm

2. Bà Phan Thị Bé

Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hải Hoài – cán bộ Tòa án nhân dân Quận 9 – thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 605/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2020/QĐST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ hỗ trợ A

Địa chỉ: đường X, Phường Y, quận N, Tp. Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông B, sinh năm: 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường 6, phường N, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà N, sinh năm: 1972 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: đường 6, phường N, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh

Hội C

Địa chỉ: đường N, phường P, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Quỹ hỗ trợ A có đại diện theo ủy quyền ông L trình bày:

Ngày 08/3/2017 ông B có ký giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay với Quỹ hỗ trợ nông dân thành phố Hồ Chí Minh và ngày 07/4/2017 ông B ký giấy nhận nợ vay của Quỹ hỗ trợ A số tiền 30.000.000 đồng với mục đích chăn nuôi theo giấy nhận nợ số 02/16-2017, mức phí cho vay là 0,65%/tháng (7,8%/năm), thời gian vay 24 tháng (từ ngày 07/4/2017 đến ngày 07/4/2019). Trường hợp trả nợ không đúng hạn, ông B phải chịu phí quá hạn là 130% phí trong hạn. Quá trình vay ông B chỉ trả phí trong hạn là 1.170.000 đồng.

Quỹ hỗ trợ A đã nhiều lần thông qua Hội C mời ông B lên làm việc về việc yêu cầu trả nợ, ông B nhiều lần cam kết trả nhưng không thực hiện.

Vì vậy nay Quỹ hỗ trợ A yêu cầu ông B trả ngay cho Quỹ hỗ trợ A số nợ tính đến ngày 30/7/2020 là 37.244.900 đồng, gồm nợ gốc 30.000.000 đồng, phí trong hạn 3.510.000 đồng, phí quá hạn tính từ ngày 08/4/2019 đến ngày 30/7/2020 là: $(30.000.000 \text{ đồng} \times 0,65\% \times 130\% \times 14 \text{ tháng}) + (30.000.000 \text{ đồng} \times 0,65\% \times 130\% : 30 \text{ ngày} \times 22 \text{ ngày}) = 3.734.900 \text{ đồng}$. Đồng thời ông B phải trả phí quá hạn phát sinh tính từ ngày 31/7/2020 đến ngày ông B trả hết nợ theo mức phí được thỏa thuận trong thông báo chuyển nợ quá hạn số 15-TB ngày 25/4/2019 (bằng 130% phí trong hạn).

Mặc dù trong giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 08/3/2017 bà N có ký nhưng giấy nhận nợ số 02/16-2017 ngày 07/4/2017 ông B là người trực tiếp ký vay và nhận tiền nên Quỹ hỗ trợ A chỉ yêu cầu ông B có trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu bà N có trách nhiệm liên đới trả.

Bị đơn ông B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, triệu tập lấy lời khai, thông báo phiên họp và hòa giải nhưng đều vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà B trình bày:

Vào ngày 07/4/2017 chồng bà B là ông B của Quỹ hỗ trợ A số tiền 30.000.000 đồng để chăn nuôi. Quá trình vay do công việc làm ăn của ông B gặp khó khăn nên chưa trả nợ cho Quỹ hỗ trợ A, bà N chỉ ở nhà lo việc nội trợ không

có thu nhập nên ông B người có trách nhiệm trả nợ, ngoài ra bà không có yêu cầu và ý kiến gì khác, bà N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 9 giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông B vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà N và Hội C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử từ ngày thụ lý vụ án đến ngày đưa vụ án ra xét xử có vi phạm thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: chấp nhận yêu cầu của Quỹ hỗ trợ A buộc ông B hoàn trả số nợ là 37.244.900 đồng, trong đó bao gồm: vốn gốc phải trả là 30.000.000 đồng; phí trong hạn là 3.510.000 đồng và phí quá hạn tính từ ngày 08/4/2019 đến ngày 30/7/2020 là 3.734.900 đồng. Đồng thời, ông B còn phải có trách nhiệm trả phần phí quá hạn phát sinh sau ngày 30/7/2020 đến ngày trả hết vốn gốc theo mức phí được thỏa thuận trong Thông báo chuyển nợ quá hạn số 15-TB/QHTND ngày 25/4/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 9, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quỹ hỗ trợ A nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông B. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Do bị đơn cư trú tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố

Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn ông B đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên Tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà N, Hội C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Xét giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 08/3/2017 và giấy nhận nợ ngày 07/4/2017 giữa Quỹ hỗ trợ A và ông B là phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu của Quỹ hỗ trợ A với ông B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.2] Căn cứ lời khai của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định ngày 08/3/2017 ông B đã ký giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn với Quỹ hỗ trợ A và ngày 07/4/2017 ông B ký giấy nhận nợ với Quỹ hỗ trợ A theo đó ông B nhận số tiền vay là 30.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng: 07/4/2019, phí cho vay 0,65%/tháng, trường hợp trả nợ không đúng hạn phải chịu phí quá hạn là 130% phí trong hạn, thời hạn nộp phí 06 tháng/01 lần kể từ ngày nhận tiền vay, mục đích xin vay: chăn nuôi.

[2.3] Quá trình vay ông B chỉ trả được 01 kỳ phí vay trong hạn vào ngày 07/4/2017 là 1.170.000 đồng. Quỹ hỗ trợ A thông qua Hội C nhiều lần mời ông B lên làm việc yêu cầu trả vốn gốc và phí vay, ông B cam kết trả dứt điểm vốn và phí cho Quỹ hỗ trợ A nhưng không thực hiện. Như vậy ông B vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của các bên tại giấy nhận nợ ngày 07/4/2017. Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 Quỹ hỗ trợ A yêu cầu ông B thanh toán tiền nợ gốc 30.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Về phí trong hạn và phí quá hạn: theo giấy nhận nợ số 02/16-2017/GNN-QHTND ngày 07/4/202017 giữa ông B và Quỹ hỗ trợ A thì phí cho vay là 0,65%/tháng, trường hợp không trả nợ đúng hạn, phải chịu phí quá hạn là 130% phí trong hạn. Quá trình vay ông B vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 25/4/2019 Quỹ hỗ trợ A ban hành thông báo số 15/TB/QHTND chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn kể từ ngày 08/4/2019. Vì vậy Quỹ hỗ trợ A yêu cầu ông B phải trả phí trong hạn là 3.510.000 đồng, phí quá hạn tính từ ngày 08/4/2019

đến ngày 30/7/2020 là: $(30.000.000 \text{ đồng} \times 0,65\% \times 130\% \times 14 \text{ tháng}) + (30.000.000 \text{ đồng} \times 0,65\% \times 130\% : 30 \text{ ngày} \times 22 \text{ ngày}) = 3.734.900 \text{ đồng}$ là phù hợp với thỏa thuận của hai bên trong giấy nhận nợ và phù hợp quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Quỹ hỗ trợ A xác nhận: theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 08/3/2017 bà N (vợ B) có ký với tư cách người thừa kế (cam kết trả nợ thay cho người vay nếu người vay gặp khó khăn) nhưng trong giấy nhận nợ số 02/16-2017 ngày 07/4/2017 ông B là người trực tiếp ký vay và nhận tiền nên Quỹ hỗ trợ A chỉ yêu cầu ông B có trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu bà N có trách nhiệm liên đới trả vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy đề nghị của kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 là phù hợp.

Về án phí: ông B phải nộp 1.862.245 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 khi án có hiệu lực pháp luật.

Quỹ hỗ trợ A không phải chịu án phí, hoàn lại cho Quỹ hỗ trợ A số tiền 875.775 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2018/0026741 ngày 01/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 463; Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông B có trách nhiệm trả cho Quỹ hỗ trợ A số tiền nợ gốc là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng; phí trong hạn là 3.510.000 (ba triệu năm trăm mười ngàn) đồng, phí quá hạn tính từ ngày 08/4/2019 đến ngày 30/7/2020 là: 3.734.900 (ba triệu bảy trăm ba mươi bốn ngàn chín trăm) đồng, tổng cộng là: 37.244.900 đồng (ba mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn chín trăm đồng), trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 31/7/2020 cho đến khi trả dứt nợ thì ông B có trách nhiệm trả tiền phí phát sinh theo mức phí quá hạn quy định tại thông báo chuyển nợ quá hạn số 15-TB ngày 25/4/2019 tính trên nợ gốc chưa thanh toán.

2. Về án phí: 1.862.245 (một triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn hai trăm bốn mươi lăm) đồng ông B phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 khi án có hiệu lực pháp luật.

Quỹ hỗ trợ A không phải chịu án phí, trả lại cho Quỹ hỗ trợ A số tiền 875.775 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2018/0026741 ngày 01/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Q.9;
- Chi cục THADS Q9;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mai Trâm